TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2019/QĐST-DS	*Triệu Sơn, ngày 05 tháng 08 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 07 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 04 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 25 Đ, phường T, Quận K, thành phố N.

Đại diện ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Người đại diện ủy quyền lại: Ông Lê Xuân H - Chức vụ Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Thanh Hóa quyền ký đơn khởi kiện.

Người đại diện ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tuấn L - chức vụ Chuyên viên xử lý nợ địa bàn miền Trung. Quyền tham gia tố tụng giải quyết toàn bộ vụ án.

Bị đơn: - Ông Lê Văn T - Sinh năm 1978

- Bà: Lê Thị N - Sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã T, huyện S, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện C, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Các đương sự đều công nhận thống nhất tính đến ngày 26/7/2019 anh Lê Văn T và chị Lê Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền gốc 379.350.673đ, tiền lãi 55.294.087đ. Tổng số tiền là 435.294.087đ (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm tám bảy đồng). Theo hợp đồng tín dụng từng lần số CN 17.11.17 ngày 21/11/2017.

2.2. Các bên đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

+ Ngày 15/8/2019 anh T và chị N trả cho ngân hàng A số tiền quá hạn tính đến ngày 26/7/2019 là 143.886.590đ (Một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm tám sáu nghìn, năm trăm chín mươi đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/7/2019 đến ngày 15/8/2019;

+ Sau khi bà N, ông T thanh toán hết số tiền quá hạn nêu trên, Ngân hàng TMCP A đồng ý cho ông T và bà N tiếp tục thực hiện thanh toán gốc và lãi theo các kỳ hạn quy định tại hợp đồng tín dụng từng lần số CN17.11.17 ngày 21/11/2017.

+ Trong trường hợp anh T và chị N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo đúng tiến độ nêu trên hoặc vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo hợp đồng tín dụng số CN17.11.17 ngày 21/11/2017 kể từ ngày 16 tháng 08 năm 2019 thì phía Ngân hàng Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn phát mại tài sản đã thế chấp là xe ô tô TOYOTA VIOS màu đen, số máy 2NRX240804, số khung 9F34H5026979, biển kiểm soát 36A-28931, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 045253 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/11/2017 cho ông Lê Văn T để thu hồi nợ. Khi các đương sự xác minh được chiếc xe ôtô đang ở đâu và ông T, bà N phải có nghĩa vụ thông báo chiếc xe cho Ngân hàng TMCP A.

+ Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A thì ông T, bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. 3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thống nhất thỏa thuận Anh Lê Đình T và chị Lê Thị N tự nguyện nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.882.352đ (mười triệu tám trăm tám mươi hai nghìn ba trăm năm mươi hai đồng). Trả lại cho

Ngân hàng TMCP A do ông Lê Xuân H nộp số tiền tạm ứng án phí là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0003491 ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Đại Long